TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/DS-ST
Ngày: 15-02-2022
V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Nguyễn Minh Tùng.

2. Bà Trần Hồng Vân.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Bích Vân - Thư ký TAND Tp. Sa Đéc

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S tham gia phiên tòa***:

Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2021/TLST-DS ngày 03/6/2021 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 24/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Bà Trương Thị Hương S, sinh năm 1960.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp H, xã Đ, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ (gọi tắt là "nguyên đơn") trình bày:

Qua mối quan hệ quen biết, khoảng năm 1999, bà Đ có cho bà Trương Thị Hương S vay 02 lần tiền (lần 1 cho vay : 4.000.000đ và lần 2 cho vay: 3.000.000đ) tổng cộng 7.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K.

Sự việc bà Đ cho bà S vay tiền và vàng không có làm giấy tờ gì, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng bà Đkhông nhớ là bao nhiêu, không xác định thời hạn vay và bà S cũng không có thế chấp hay cầm cố tài sản gì cho bà Đ.

Sau khi vay, bà S không có trả lãi cho bà Đ.

Năm 2016, bà S có trả cho bà Đ 1.000.000đ vốn. Đến năm 2019, bà S có trả thêm cho bà Đ 500.000đ vốn. Tổng cộng 02 lần, bà S đã trả cho bà Đ số tiền vốn là 1.500.000đ.

Ngoài ra, ông Trương Ngọc T có trả nợ thay cho bà S 11 lần tiền, mỗi lần 150.000đ, tổng cộng là 11 x 150.000đ = 1.650.000đ.

Như vậy, tổng cộng bà S và ông T đã trả cho bà Đ3.150.000đ.

Hiện tại, bà S còn nợ bà Đ3.850.000đ và 05 chỉ vàng 24K.

Bà Đthống nhất: Tại thời điểm xét xử, giá vàng bán ra là 5.320.000đ/chỉ.

Nay, bà Đ yêu cầu bà S trả số tiền vốn vay còn nợ 3.850.000đ và 05 chỉ vàng 24K (quy đổi ra tiền theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 5.320.000đ/chỉ), tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 30.450.000đ; không yêu cầu trả lãi.

Ngoài ra, bà Đ không có yêu cầu gì đối với ông T và cũng không yêu cầu ai khác cùng bà S liên đới trả nợ.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn - bà Trương Thị Hương S và ông Trương Ngọc T (gọi tắt là "bị đơn") trình bày:

Bà S thừa nhận: Vào khoảng tháng 02/1999, bà S có vay của bà Đ số tiền 4.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K.

Khi bà S vay tiền, vàng của bà Đ không có làm giấy tờ gì, lãi suất 20%/tháng và không xác định thời hạn vay.

Sau khi vay, bà S có trả lãi cho bà Đ 03 tháng, mỗi tháng 800.000đ, tổng cộng là 2.400.000đ, khi trả lãi không có làm giấy tờ gì. Đồng thời, bà S có trả vốn cho bà Đ 02 lần: lần 1, trả 1.000.000đ và lần 2 trả 500.000đ; tổng cộng 02 lần, bà S đã trả vốn cho bà Đ số tiền 1.500.000đ.

Ngoài ra, ông T có trả cho bà Đ 11 lần với tổng số tiền 1.650.000đ.

Tổng cộng, bà S và ông T đã trả cho bà Đ 3.150.000đ.

Bà S xác định chỉ còn nợ bà Đ số tiền 850.000đ và 05 chỉ vàng 24K.

Do hiện nay, bà S gặp khó khăn nên không có khả năng trả nợ cho bà Đ. Vì vậy, bà S xin trả dần 200.000đ/tháng và ông T trả phụ tiếp bà S 300.000đ/tháng cho đến khi nào hết nợ.

Đối với số tiền lãi 2.400.000đ đã trả cho bà Đ thì bà S không có yêu cầu gì.

Ông T xác định không có vay tiền, vàng của bà Đhay bà S.

Vì ông T và bà S là chị em nên trước đây, ông T có trả cho bà Đ11 lần tiền, tổng cộng 1.650.000đ thay cho bà S.

Do đó, đối với số tiền 1.650.000đ đã trả cho bà Đ thì ông T không có yêu cầu gì. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S phát biểu ý kiến***:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trương Thị Hương S trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay còn nợ là 850.000đ và 05 chỉ vàng 24K (quy đổi ra tiền theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 5.320.000đ/chỉ), tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 27.450.000đ.

Về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ vay; xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố S theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay còn nợ là 3.850.000đ và 05 chỉ vàng 24K (quy đổi ra tiền theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 5.320.000đ/chỉ), tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 30.450.000đ; không yêu cầu trả lãi, HĐXX nhận định:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị Đ xác định: Qua mối quan hệ quen biết, khoảng năm 1999, bà Đcó cho bà Trương Thị Hương S vay 02 lần tổng cộng 7.000.000đ (lần 1 cho vay : 4.000.000đ và lần 2 cho vay: 3.000.000đ) và 05 chỉ vàng 24K. Bà Trương Thị Hương S phản bác lời trình bày của bà Đ. Bà S thừa nhận: Khoảng tháng 02/1999 có vay của bà Đ số tiền 4.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K.

[2.2]. Như vậy, theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, bà Đ có nghĩa vụ chứng minh đã cho bà S vay số tiền 7.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K. Tuy nhiên, cả bà Đ và bà S đều thừa nhận: Sự việc bà Đcho bà S vay tiền, vàng không có làm giấy tờ gì và cũng không xác định thời hạn vay. Cho nên, HĐXX xác định: Bà Đ cho bà S vay số tiền là 4.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K theo sự thừa nhận của bà S. Từ đó, có đủ cơ sở xác định: Giữa bà Đvà bà S có xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.3]. Về thực hiện hợp đồng vay: Sau khi vay, bà S có trả cho bà Đ 1.500.000đ và ông T trả nợ thay cho bà S số tiền 1.650.000đ; tổng cộng bà S và ông T đã trả cho bà Đ số tiền 3.150.000đ. Tình tiết, sự kiện này được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX công nhận.

[2.4]. Như vậy, sau khi cấn trừ số tiền 3.150.000đ vào vốn vay, bà S chỉ còn nợ bà Đsố tiền 850.000đ và 05 chỉ vàng 24K. Tại phiên tòa, bà Đ đồng ý quy đổi 05 chỉ vàng 24K ra tiền theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 5.320.000đ/chỉ, tương đương số tiền 26.600.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.5]. Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau :

"*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.*

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo giá trị của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý...".

Từ quy định đã viện dẫn và những nhận định nêu trên: Việc bà Đ yêu cầu bà S trả số tiền vốn vay còn nợ 3.850.000đ và 05 chỉ vàng 24K, tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 30.450.000đ chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Theo đó, bà S có nghĩa vụ trả cho bà Đ số tiền vốn vay còn nợ 850.000đ và 05 chỉ vàng 24K, tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 27.450.000đ.

[2.6]. Các bên không tranh chấp và không có yêu cầu về lãi nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.7]. Bà Đvà bà S không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì đối với ông T nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.8]. Ông T không tranh chấp và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền 1.650.000đ đã trả cho bà Đ nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, đúng tình tiết nội dung vụ án nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Bà Trương Thị Hương S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của bà Đđược chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu bị đơn - bà Trương Thị Hương S trả nợ vay.

Buộc bà Trương Thị Hương S trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vốn vay là 850.000đ và 05 chỉ vàng 24K (quy đổi ra tiền theo giá trị vàng tại thời điểm xét xử là 5.320.000đ/chỉ), tương đương số tiền 26.600.000đ; tổng cộng là 27.450.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 754.000đ bà Đđã nộp theo biên lai số 0013772 ngày 03/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ vào án phí phải nộp. Sau khi khấu trừ, bà Đđược nhận lại số tiền 454.000đ.

- Bà Trương Thị Hương S chịu 1.372.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Sa Đéc;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THA dân sự Tp. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phạm Hoàng Anh